TOÀ ÁN NHÂN DÂN **QUẬN B** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: **321**/2018/QĐST-HNGĐ	*Quận B, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213, Điều 397 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số **434/**2018/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 10 năm 2018,về việc "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

–Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

+ Chị Đỗ Hồng D, sinh năm: 1980.

+ Anh Nguyễn Trung T, sinh năm: 1970.

Cùng đăng ký HKTT và cư trú: Số nhà 4 Tổ 10, phường P, quận B, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tình cảm:* Chị Đỗ Hồng D và anh Nguyễn Trung T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn ngày 02/10/2008 tại UBND xã L, huyện K, tỉnh Thái Bình. Quá trình chung sống đến đầu năm 2018 thì anh chị phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do anh T không quan tâm chăm sóc vợ con, sống vô trách nhiệm, dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm, cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc. Nay anh chị xác định mâu thuẫn vợ chồng đã kéo dài, không có biện pháp nào để khắc phục mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân nên cùng đề nghị Tòa án công nhận thuận tình ly hôn. Xét việc thuận tình ly hôn của chị D và anh T là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Vì vậy cần được ghi nhận.

[2] *Về con chung*: Anh Nguyễn Trung T, chị Đỗ Hồng D có 02 con chung là Nguyễn Việt A, sinh ngày 29/9/2005 và Nguyễn Thu T, sinh ngày 06/02/2011. Ly hôn, anh chị thống nhất thỏa thuận để chị D trực tiếp nuôi dưỡng cháu A; Anh T

trực tiếp nuôi dưỡng cháu T. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con cho bên nào. Xét việc thỏa thuận của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật, vì vậy cần được chấp nhận.

[3] *Về tài sản chung, nhà ở chung:* Anh chị tự giải quyết với nhau, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

[4] *Về nợ chung:* Không có, nên không xét.

[5] *Về lệ phí dân sự sơ thẩm:* Anh Nguyễn Trung T tự nguyện chịu toàn bộ lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1/ Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Đỗ Hồng D và anh Nguyễn Trung T.

- Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của hai bên, nay giao chị Đỗ Hồng D trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Việt A, sinh ngày 29/9/2005; Giao anh Nguyễn Trung T trực tiếp nuôi dưỡng con Nguyễn Thu T, sinh ngày 06/02/2011. Hai bên chưa yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Trung T, chị Đỗ Hồng D có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được ngăn cản.

- Về tài sản, nhà – đất chung: Anh chị tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xét.

- Về nợ chung:Không có nên Tòa án không xét.

2/ Về lệ phí: Anh Nguyễn Trung T tự nguyện chịu 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí công nhận thuận tình ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng lệ phí anh đã nộp theo biên lai số 06375ngày 26/10/2018tại Chi cục Thi hành án dân sự quận B, Thành phố Hà Nội.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- TAND Thành phố Hà Nội;
- VKSND quận B;
- Chi cục THADS quận B;
- Các đương sự;
- UBND xã (phường) nơi đương sự đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Vũ Quang Hậu